TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2019/HSST

Ngày: 22/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hạ và ông Ngô Đình Tưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/HSST ngày 04 tháng 04 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 05 tháng 8 năm 1985. Nơi cư trú: khối 4, thị trấn CG, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Nguyễn Ngọc T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1940; Chồng: Kiều Văn H, sinh năm 1979; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 21/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã HM, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 42/2016/HS-ST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2019 đến ngày 15/6/2019. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Chị Bùi Thị V, sinh năm 1985

Trú tại: xóm 3, xã DĐ, huyện D, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958

Trú tại: xóm 4, xã DQ, huyện D, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);

- *Người làm chứng*: Đàm Thị T, sinh năm 1971

Trú tại: xóm 4, xã DN, huyện D, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 08 giờ ngày 01/2/2019, Nguyễn Thị T đi từ nhà ở huyện Q đến chợ Sở ở xã DĐ, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vào chợ, T mang theo 1.358.000 đồng với mục đích để giả vờ mua hàng nếu thấy ai sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Tại đây, T gặp bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 trú tại xóm 4, xã DQ, huyện D, tỉnh Nghệ An đang ngồi mua chuối, thấy trong túi áo khoác màu đen đang mặc bên phải của bà L có tiền chìa ra ngoài, lợi dụng lúc bà L sơ hở, không để ý, T thò tay vào túi áo và trộm cắp số tiền 1.200.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục đi đến hàng bát đũa và gặp chị Bùi Thị V, sinh năm 1985 trú tại xóm 3, xã DĐ đang mặc áo khoác màu xanh sọc trắng có tiền trong túi áo bên phải, T thò tay móc túi áo chị V và lấy được 670.000 đồng. Lấy được tiền của chị V xong, T lại đi đến hàng quần áo và gặp chị Đàm Thị T, sinh năm 1971 ở xóm 4, xã DN và thấy trong túi trái áo khoác màu đỏ chị T mặc có ví tiền nên thò tay vào định rút ví nhưng bị chị T phát hiện, hô hoán người dân đến và đưa lên công an xã làm việc, thu trong người T số tiền 3.228.000 đồng, trong đó, tổng số tiền mà Nguyễn Thị T đã trộm cắp được trong hai lần là 1.870.000 đồng và 1.358.000 đồng là tiền của bị cáo mang theo.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKSDC ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản", khấu trừ từ 5 – 10% thu nhập/ tháng để sung công quỹ Nhà nước.

Về dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị V đã nhận lại tiền, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Số tiền 1.358.000 đồng Nguyễn Thị T mang theo nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì về tội danh, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận: Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 01/2/2019, tại khu vực chợ Sở thuộc xã DĐ, huyện D, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Thị T đã có hành vi trộm cắp tiền của bà Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị V, sau đó tiếp tục trộm cắp tiền của bà Đàm Thị T thì bị phát hiện. Tổng số tiền Nguyễn Thị T trộm cắp là 1.870.000 đồng (dưới 2.000.000 đồng) nhưng bị cáo đã có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội nhằm mục đích vì vụ lợi. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an. Hành vi của bị cáo là táo bạo, liều lĩnh nên cần phải lên một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để tính răn đe và phòng ngừa chung của pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 21/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã HM, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo đã có công phát hiện tội phạm được xác nhận; có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự và không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật. Tuy nhiên cần khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[5] Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản. Tại phiên tòa hôm nay những người bị hại đều vắng mặt nhưng theo tài liệu có trong hồ sơ, không ai có

yêu cầu gì nên miễn xét. Số tiền 1.358.000 đồng là tiền của bị cáo mang theo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13/3/2019.

[6] Về án phí hình sự: Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm s, t khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T 24 (*hai mươi tư*) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án (ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện Q, tỉnh Nghệ An) nhận được quyết định thi hành bản án và bản sao bản án.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mỗi tháng, tương ứng với thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm .

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Danh Hùng

Nơinhận:
- *Bị cáo;Người TGTT;*
- *VKS huyện D;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *TAND tỉnh Nghệ An ;*
- *Công an huyện (NVCS);*
- *Chi cục THA dân sự;*
- *THA hình sự;*
- *Sở tư pháp*
- *Lưu hồ sơ + lưu trữ*